

Số 2 4 0 2/BCT-ĐB

V/v kết quả triển khai Hiệp định
CPTPP, EVFTA và UKVFTA
của các Bộ, ngành, địa phương
trong năm 2025

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ theo Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 phê duyệt Kế hoạch thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Dương (CPTPP) và Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2020 phê duyệt Kế hoạch thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực thi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len (UKVFTA), Bộ Công Thương đã có các công văn số 9883/BCT-ĐB, 9884/BCT-ĐB, 9885/BCT-ĐB, 9886/BCT-ĐB ngày 15 tháng 12 năm 2025 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tình hình triển khai Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA của cơ quan mình về cho Bộ Công Thương.

Cho đến nay, Bộ Công Thương đã nhận được báo cáo của 10/18 Bộ, ngành và 27/34 tỉnh, thành. Các Bộ chưa báo cáo là: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông Tấn xã Việt Nam. Các tỉnh, thành phố chưa báo cáo là Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Quảng Trị, Khánh Hoà, Cần Thơ, Cà Mau.

Trên cơ sở tổng hợp nội dung báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Công Thương xin kính trình Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA của các Bộ, ngành, địa phương trong năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ CHUNG

1. Kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

a. Hiệp định CPTPP

Trong năm 2025, kết quả thương mại giữa Việt Nam với các Thành viên CPTPP có những tín hiệu tích cực, theo đó kim ngạch xuất nhập khẩu 02 chiều năm 2025 đạt 124,5 tỷ USD, tăng 11,9 % so với năm trước; trong đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt 70,6 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập khẩu đạt 53,8 tỷ USD, tăng 12,5%.

Xét về thị trường, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang tất cả các thị trường CPTPP đều tăng trưởng tích cực. 3 thị trường Ca-na-đa, Mê-hi-cô và Pê-ru đều chứng kiến mức tăng trưởng tích cực, lần lượt là 18,13%, 28,67% và 15,75%.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường các Thành viên CPTPP trong năm 2025 là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 9,4 tỷ USD (tăng 45,9%); hàng dệt may đạt 8 tỷ USD (tăng 6,52%); hàng hoá khác đạt 6 tỷ USD (tăng 7,7%); phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 5,6 tỷ USD (tăng 9,8%); giày dép các loại đạt 4,5 tỷ USD (tăng 11,8%); hàng thuỷ sản đạt 3 tỷ USD (tăng 7,2%).

Tỷ lệ sử dụng mẫu C/O CPTPP đạt 7,69%, giảm nhẹ so với mức 8,84% của năm 2024.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu từ 9/11 nước CPTPP ghi nhận mức tăng trưởng dương, chẳng hạn Nhật Bản (tăng 14,31%), Niu Di-lân (tăng 29,87%), Nhật Bản (tăng 14,31%). Trong khi đó, nhập khẩu từ các nước CPTPP như Ca-na-đa, Mê-hi-cô, và Pê-ru đều có mức tăng trưởng lần lượt là 24,82%, 20,36%, và 9,83%.

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ thị trường các Thành viên CPTPP trong năm 2025 là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 13,9 tỷ USD (tăng 37,9%); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 6,8 tỷ USD (tăng 26,3%); chất dẻo nguyên liệu đạt 1,3 tỷ USD (tăng 1,4%); sản phẩm hoá chất đạt 1,2 tỷ USD (tăng 2,8%).

Thặng dư thương mại từ các Thành viên CPTPP trong năm 2025 đạt 16,7 tỷ USD, trong khi trước đó, vào năm 2024, thặng dư chỉ đạt 15,4 tỷ USD. Đặc biệt, thặng dư thương mại với 3 nước Ca-na-đa, Mê-hi-cô và Peru trong năm 2025 đạt 12,7 tỷ USD, tăng 22,3% so với năm 2024.

Về phía địa phương, trong số các tỉnh thành có báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, 22/27 các tỉnh thành phố đã phát sinh hoạt động xuất khẩu với các nước CPTPP. Các địa phương có trao đổi thương mại lớn với các nước CPTPP là Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên. Các mặt hàng xuất khẩu từ các địa phương sang các nước CPTPP bao gồm nhiều hàng dệt may; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; phương tiện vận tải và phụ tùng v.v.

b. Hiệp định EVFTA

Năm 2025 thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU duy trì đà phục hồi và tăng trưởng khả quan, đạt kim ngạch 73,81 tỷ USD, tăng 7,9% so với năm 2024 và chiếm tỉ trọng 7,9% trong tổng kim ngạch thương mại của cả nước, theo số liệu thống kê của Cục Hải quan. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU

đạt 56,18 tỷ USD, tăng 8,6% so với năm trước, chiếm 11,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam; kim ngạch nhập khẩu từ EU đạt 17,64 tỷ USD, tăng 5,5%, chiếm 3,9% tổng kim ngạch nhập khẩu. Với tốc độ tăng xuất khẩu cao hơn nhập khẩu, Việt Nam tiếp tục duy trì xuất siêu lớn sang thị trường EU, với mức xuất siêu năm 2025 đạt 38,54 tỷ USD, tăng 10,1% so với năm 2024.

Các mặt hàng dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu sang EU vẫn là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là 9,76 tỷ USD (tăng 12,4%), máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng là 7,06 tỷ USD (tăng 1,26%) và điện thoại các loại và linh kiện là 6,77 tỷ USD (tăng 9,7%). Ba mặt hàng này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch 56,18 tỷ USD (42%), phản ánh vai trò chủ lực của khu vực sản xuất, chế biến định hướng xuất khẩu và mức độ gắn kết ngày càng sâu của Việt Nam vào chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu.

Ở nhóm hàng truyền thống, giày dép là 6,02 tỷ USD (tăng 4,8%) và hàng dệt may là 4,71 tỷ USD (tăng 11,15%) tiếp tục giữ vị trí quan trọng, cho thấy EU vẫn là thị trường tiêu thụ lớn đối với các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng của Việt Nam, dù tốc độ tăng không đồng đều. Nhóm nông sản là điểm sáng rõ nét nhất trong năm 2025. Nổi bật nhất là cà phê, đạt 3,63 tỷ USD tăng tới 68,3% về trị giá và 26,1% về lượng. Bên cạnh đó, rau quả đạt 353 triệu USD (tăng mạnh 45,7%), hạt điều đạt 1 tỷ USD (tăng 25,2%), hàng thủy sản đạt 1,1 tỷ USD (tăng 12,6%) cho thấy nông sản Việt Nam ngày càng đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và bền vững của EU.

Tỷ lệ sử dụng mẫu C/O theo EVFTA (mẫu EUR.1) đạt 34,6%, giảm nhẹ so với mức 35,05% của năm 2024.

Về nhập khẩu, năm 2025, Việt Nam vẫn chủ yếu nhập khẩu từ EU các mặt hàng công nghệ cao và đầu vào chất lượng cao cho sản xuất. Trong đó, máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt 3,53 tỷ USD, tăng 14,4% so với năm 2024, tiếp tục là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất từ EU. Phương tiện vận tải khác và phụ tùng đạt 628,2 triệu USD, tăng mạnh 58,7%, cho thấy xu hướng gia tăng nhập khẩu các phương tiện, thiết bị vận tải chuyên dụng. Nhập khẩu dược phẩm đạt 2,33 tỷ USD, tăng 1,7%, duy trì vai trò là nhóm hàng thiết yếu, ổn định.

Về phía địa phương, trong số các tỉnh thành có báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, có 23/27 tỉnh đã phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu với các nước EVFTA. Địa phương có trao đổi thương mại với các nước EVFTA lớn nhất là Phú Thọ, tiếp theo là Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Ninh Bình, Thái Nguyên và Đồng Nai. Các mặt hàng xuất khẩu từ các địa phương sang các nước EVFTA bao gồm nhiều máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; giày dép; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác,...

b. Hiệp định UKVFTA

Trong năm 2025, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đạt 9,38 tỷ USD, tăng 11,3% với năm 2024. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh đạt 8,39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2024. Thặng dư thương mại của Việt Nam và Vương quốc Anh trong năm 2025 đạt 7,4 tỉ USD tăng 12% so với năm 2024.

Nhiều mặt hàng quan trọng của Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh tiếp tục có kim ngạch xuất khẩu cao với tỷ lệ tăng trưởng tích cực (ví dụ các mặt hàng đạt kim ngạch trên 500 triệu USD có điện thoại các loại và linh kiện 1,35 tỷ USD tăng 22,8% so với năm 2024, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 1,3 tỷ USD tăng 53,1%, (máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt kim ngạch 1,08 tỉ USD giảm 20,3% so với năm 2024), giày dép các loại 1,05 tỷ USD tăng 6,3%, hàng dệt, may 894 triệu USD tăng 16,9%...

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu từ Vương quốc Anh đạt 991 triệu USD, tăng 12,2% so với năm 2024. Nhập khẩu từ Vương quốc Anh ghi nhận một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu trên 100.000 USD gồm có máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 301.8 triệu USD tăng 49,9% so với năm 2024, hàng hoá khác 206,2 triệu USD giảm 12,7%.

Tỷ lệ cấp C.O mẫu EUR.1 UK sang Vương quốc Anh đạt 31.87%, giảm 4,34% so với mức 36,21% của năm 2024.

Về phía địa phương, trong số các tỉnh thành có báo cáo số liệu xuất nhập khẩu, có 22/27 tỉnh đã phát sinh hoạt động xuất khẩu với Vương quốc Anh. Địa phương có trao đổi thương mại với Vương quốc Anh lớn nhất là Thành phố Hồ Chí Minh tiếp theo là Bắc Ninh, Đắk Lắk, Hưng Yên, Thái Nguyên, Đồng Nai và Hà Nội. Các mặt hàng xuất khẩu từ các địa phương sang Vương quốc Anh bao gồm nhiều máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; giày dép; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác,...

2. Kết quả hoạt động thu hút đầu tư

a. Hiệp định CPTPP

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, trong năm 2025, Việt Nam thu hút được khoảng gần 15,6 tỷ USD tổng vốn đầu tư từ các nước CPTPP, tương đương với năm 2024. Số dự án cấp mới đạt 1008, tăng 157 dự án so với năm 2024. Các Thành viên CPTPP có tổng vốn đăng ký đầu tư vào Việt Nam nhiều nhất trong năm 2025 là Xinh-ga-po với 9,3 tỷ USD, đứng thứ 2 là Nhật Bản với 3,7 tỷ USD, đứng thứ 3 là Malaysia với 2 tỷ USD

Tất cả các Thành viên CPTPP đều ghi nhận tăng tổng vốn đầu tư, trong đó

Xinh-ga-po là nước có mức độ tăng vốn đầu tư mạnh nhất, tăng 24,4% so với cùng kỳ, tiếp theo là Nhật Bản với mức tăng 9,7% so với cùng kỳ và Malaysia tăng 5,3% so với cùng kỳ.

b. Hiệp định EVFTA

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, EU hiện là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 7 tại Việt Nam với 2.774 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký trị giá 32,07 tỷ USD tính lũy kế đến hết năm 2025, chiếm 6,06% tổng vốn đăng ký FDI tại Việt Nam.

Về quốc gia đầu tư: Hà Lan là nhà đầu tư lớn nhất với 466 dự án, tổng vốn đầu tư 14,94 tỷ USD, chiếm 46,6% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam. Quy mô dự án trung bình đạt 32,1 triệu USD, cao hơn mức quy mô bình quân FDI của cả nước là 11,7 triệu USD. Đứng thứ 2 là Pháp với 726 dự án, tổng vốn đăng ký 4,01 tỷ USD, chiếm 12,5% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam. Quy mô dự án trung bình 5,5 triệu USD. Đứng thứ 3 là Đức với 512 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 3,00 tỷ USD, chiếm 9,4% tổng vốn đầu tư. Quy mô dự án trung bình 5,9 triệu USD.

Các dự án đầu tư của EU tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và đang có xu hướng tăng vào các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính, bán lẻ...), năng lượng tái tạo, công nghiệp phụ trợ, dược phẩm, nông nghiệp công nghệ cao...

c. Hiệp định UKVFTA

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, trong năm 2025, Việt Nam thu hút được gần 242,12 triệu USD vốn đầu tư từ Vương quốc Anh, tăng 15% so với năm 2024. Số dự án cấp mới đạt 36, giảm 8 dự án so với năm 2024. Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu của Vương quốc Anh là năng lượng tái tạo, tài chính-ngân hàng, giáo dục, sản xuất công nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ EVFTA

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA

a. Công tác phổ biến, tuyên truyền và tập huấn

Công tác phổ biến và tập huấn về các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA tiếp tục được triển khai, cụ thể:

- Về tổ chức các Hội nghị, hội thảo, tọa đàm tập huấn:

Ở các địa phương, đã có 275 hội nghị, hội thảo và tập huấn trong năm 2025. Nhìn chung, các địa phương khi tổ chức thường kết hợp tuyên truyền chung cho các FTA, đặc biệt là Hiệp định CPTPP và EVFTA, chứ ít tổ chức riêng cho một FTA cụ thể.

Bên cạnh đó, các địa phương cũng tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến khác để đưa cam kết đến các doanh nghiệp và người dân thông qua các tin bài, phóng sự. Một số địa phương có hoạt động tuyên truyền nổi bật về các FTA thông qua các tin bài, phóng sự có thể kể đến như: Đồng Nai là 400 tin bài; Hải Phòng triển khai 600 tin bài, phóng sự.

- *Tổ chức lớp đào tạo chuyên sâu*: Trong năm 2025, Bộ Công Thương đã tổ chức 02 lớp đào tạo chuyên sâu về Hiệp định EVFTA và các FTA thế hệ mới, cùng 01 lớp đào tạo chuyên sâu về Hiệp định UKVFTA và các FTA thế hệ mới tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Các khóa đào tạo đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và hiểu biết về các FTA thế hệ mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng như đại diện cộng đồng doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ việc khai thác hiệu quả các cam kết trong các hiệp định này.

- *Tổ chức thông tin báo chí và xuất bản phẩm*: Trong năm 2025, Bộ Công Thương đã xây dựng 25 bài báo về Hiệp định EVFTA. Đài Truyền hình Việt Nam đã tổ chức tuyên truyền trên sóng truyền hình các chương trình tin tức có lồng ghép nội dung về các FTA, bao gồm: 146 tin tức liên quan đến Hiệp định CPTPP, 75 tin tức liên quan đến Hiệp định EVFTA, 38 tin tức liên quan đến Hiệp định UKVFTA.

- *Triển khai xây dựng Bộ Chỉ số đánh giá thực thi các FTA tại các địa phương (FTA Index)*: Được sự phê duyệt của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các FTA (FTA Index) hàng năm của các địa phương và đã được Lãnh đạo Chính phủ phê duyệt để tiến hành điều tra, khảo sát trên thực tế. Vào ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Chính phủ, Lễ công bố Bộ chỉ số FTA Index đã được tổ chức trang trọng và thành công với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn, và sự tham dự của các đại biểu là đại diện Lãnh đạo các cơ quan Ban Đảng, Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đại diện các Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp, đại diện các Đại sứ quán và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đại diện các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình. Cho đến nay, việc tổ chức Lễ công bố FTA Index đã tạo ra được tiếng vang lớn, thể hiện sự nghiêm túc của Việt Nam trong quá trình thực thi các FTA thời gian qua và được các đối tác FTA của Việt Nam ghi nhận và đánh giá cao.

- *Triển khai và vận hành Cổng thông tin điện tử quốc gia về Hiệp định Thương mại Tự do (FTAP) tại địa chỉ <https://fta.gov.vn/>*: Bộ Công Thương đang tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để vận hành và nâng cấp FTAP.

b. Thiết lập Đầu mối thông tin về các FTA

Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì đảm nhiệm, thúc đẩy và làm tốt vai trò là đơn vị tiếp nhận và trả lời các câu hỏi từ các cơ quan quản lý cấp địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về các cam kết liên quan đến Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP. Về phía các tỉnh thành, về cơ bản các tỉnh, thành phố đều đã thiết lập đầu mối thông tin về CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

c. củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác thông tin, dự báo thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước

Bộ Công Thương tiếp tục duy trì việc yêu cầu hệ thống Thương vụ tăng cường nghiên cứu thị trường nước sở tại thông qua các cuộc giao ban và báo cáo định kỳ, đột xuất để cập nhật thị trường CPTPP, EVFTA, UKVFTA từ đó đưa ra những nhận định và phân tích chuyên sâu phục vụ cho việc dự báo. Nội dung thông tin mà hệ thống Thương vụ cung cấp bao gồm chính sách xuất nhập khẩu của các nước CPTPP, EVFTA, UKVFTA, các yêu cầu kỹ thuật, vấn đề pháp lý, các biện pháp phòng vệ thương mại, xác minh nguồn hàng, đối tác v.v.

Bên cạnh đó, các Thương vụ Việt Nam tại các địa bàn trong khuôn khổ các Hiệp định đã chủ động phổ biến, giới thiệu về các hiệp định, cũng như các ưu đãi, lợi thế so sánh của hàng hóa Việt Nam trong các FTA này tới các cơ quan hữu quan, cộng đồng doanh nghiệp, người dân tại sở tại thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, hội nghị, hội thảo chuyên ngành

2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

a. Sửa đổi, ban hành và rà soát văn bản pháp luật

Trong năm 2025, Việt Nam đã ban hành 2 văn bản thực thi Hiệp định CPTPP (01 Nghị định và 01 Thông tư), 01 văn bản thực thi EVFTA (01 Thông tư) và 01 văn bản thực thi UKVFTA (01 Thông tư). Tính cho đến nay, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành và đơn vị có liên quan đã sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các FTA, cụ thể: Hiệp định CPTPP có 27 văn bản, Hiệp định EVFTA có 24 văn bản, Hiệp định UKVFTA có 07 văn bản.

Nhìn chung, Việt Nam đã sửa đổi, ban hành mới khá đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật (cả ở cấp độ luật và dưới luật) để kịp thời thực thi các quy định có hiệu lực ngay đối với CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP. Một số văn bản được ban hành muộn hơn nhưng đều được áp dụng hồi tố kể từ thời điểm Hiệp định có hiệu lực để bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong quá trình thực thi cam kết.

Bên cạnh đó, các cơ quan Chính phủ, Bộ, ngành thường xuyên theo dõi, rà soát và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các cam kết trong các FTA và Điều ước quốc tế mà ta là thành viên. Các tỉnh, địa phương chủ động rà soát, xây dựng, thẩm định các văn bản, cơ chế chính sách do địa phương ban hành.

b. Phối hợp với các thành viên các FTA này xây dựng, hoàn thiện thiết chế thực thi các FTA này

Hiệp định CPTPP

Trong năm 2025, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chuẩn bị nội dung và tham dự phiên họp Hội đồng cấp Bộ trưởng Hiệp định CPTPP lần thứ 9 các sự kiện liên quan được tổ chức ngày 19-21 tháng 11 năm 2025 tại Melbourne, Úc. Tại phiên họp, các Bộ trưởng các nước Thành viên CPTPP đã thông qua Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng Hiệp định CPTPP lần thứ 9, trong đó bao gồm thống nhất đàm phán nâng cấp Hiệp định, Tuyên bố chung Đối thoại thương mại và đầu tư CPTPP – EU và CPTPP - ASEAN. Các Thành viên CPTPP cũng nhất trí khởi động quá trình đàm phán gia nhập với Uruguay.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã chủ trì hoặc phối hợp tham gia các phiên họp của các Ủy ban/Hội đồng/Nhóm công tác chuyên môn trong các lĩnh vực khác nhau. Kết thúc phiên họp, Việt Nam đã chính thức đảm nhiệm vị trí Chủ tịch CPTPP 2026. Hiện tại, Bộ Công Thương đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các Thành viên CPTPP để triển khai các hoạt động trong năm Chủ tịch CPPTP 2026 thành công và hiệu quả.

Hiệp định EVFTA

Việt Nam và EU đã tiến hành nhiều phiên làm việc cấp kỹ thuật trong năm 2025 như: 01 Phiên họp Ủy ban Thương mại (cấp Bộ trưởng), 01 Ủy ban SPS, 01 Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững và nhiều phiên họp cấp kỹ thuật khác để rà soát tình hình thực thi cũng như xử lý các vướng mắc của cả hai bên trong quá trình triển khai các cam kết của Hiệp định.

Tại cuộc họp Ủy ban Thương mại EVFTA lần thứ 4, Cao ủy Thương mại EU đã đề nghị hai bên thành lập Tổ công tác đặc biệt gồm đại diện các cơ quan liên quan của hai bên để thường xuyên tiếp xúc, trao đổi kịp thời xử lý các vướng mắc trong quan hệ thương mại và thực thi EVFTA. Hiện Việt Nam và EU đã thống nhất Điều khoản tham chiếu của Tổ công tác này và hai bên đang trong quá trình xây dựng danh sách đại diện của các cơ quan tham dự Tổ.

Về tình hình thành lập Nhóm tư vấn trong nước Việt Nam (DAG Việt Nam), tính đến thời điểm hiện tại, Nhóm DAG Việt Nam có tổng cộng 10 tổ chức thành

viên. Hiện nay, Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục tiếp nhận và xử lý đơn xin tham gia của một số tổ chức có quan tâm theo quy định.

Về việc xây dựng danh sách ứng viên Hội đồng chuyên gia thực thi Chương 13 (Thương mại và Phát triển bền vững) Hiệp định EVFTA: Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phê duyệt 02 danh sách ứng viên chuyên gia gồm (i) danh sách ứng viên chuyên gia của Việt Nam (gồm 11 ứng viên); và (ii) danh sách ứng viên mà Việt Nam đề xuất cho vị trí Chủ tịch Hội đồng chuyên gia (gồm 03 ứng viên). Bộ Công Thương đã chủ trì tổ chức cuộc họp trực tuyến trao đổi với phía EU về các danh sách này do phía Việt Nam đề xuất và các danh sách do EU đề xuất. Dự kiến hai bên sẽ tiếp tục tổ chức các cuộc họp cấp kỹ thuật để thống nhất danh sách của hai bên trước khi trình Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững phê duyệt.

Về nội dung giải quyết tranh chấp SSDS theo Chương 15 Hiệp định EVFTA, trong năm 2025, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan, tham dự phiên họp với Liên minh châu Âu (EU) và xây dựng các tiêu chí lựa chọn các cá nhân cho Danh sách trọng tài viên thành lập theo Điều 15.23 Hiệp định EVFTA. Bộ Tư pháp đã chủ động xây dựng Danh sách ứng cử viên cho Danh sách trọng tài viên và Danh sách Chủ tịch do Việt Nam đề cử phục vụ việc xây dựng Danh sách Trọng tài viên theo Điều 15.23 Hiệp định. Đến nay, giữa Việt Nam và EU chưa phát sinh tranh chấp được giải quyết theo Chương 15 Hiệp định EVFTA.

Hiệp định UKVFTA

Việt Nam đã phối hợp với Vương quốc Anh thành lập các thiết chế như Ủy ban Thương mại, các Ủy ban chuyên môn như Thương mại hàng hóa, Thương mại dịch vụ, Đầu tư và Thương mại điện tử, Thương mại và Phát triển bền vững, nhóm công tác theo quy định để thực thi Hiệp định; và tổ chức các phiên họp của các Ủy ban này. Đối với việc thành lập Nhóm DAG trong khuôn khổ UKVFTA, Nhóm DAG Việt Nam (được thành lập trong khuôn khổ EVFTA) sẽ đảm nhiệm vai trò Nhóm DAG cho UKVFTA. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng danh sách sơ bộ các trọng tài viên và ứng viên Hội đồng chuyên gia theo quy định về giải quyết tranh chấp và thương mại và phát triển bền vững Hiệp định UKVFTA.

c. Điều phối việc tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác nước ngoài trong quá trình thực thi các FTA này

Với tư cách là cơ quan đầu mối tiếp nhận và điều phối hỗ trợ kỹ thuật của các thành viên CPTPP để thực hiện các Hiệp định, Bộ Công Thương đã phối hợp cùng các Bộ, ngành liên quan tiếp nhận và triển khai dự án hỗ trợ kỹ thuật EDM của Ca-na-đa tập trung vào các nhóm vấn đề là (i) Xây dựng năng lực về xây dựng

chính sách thương mại; (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME); (iii) Nông nghiệp; (iv) Sở hữu trí tuệ.

Trong các năm tới, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các đối tác như Úc, Vương quốc Anh (UK) để tiếp tục triển khai thêm các dự án mới, nhằm triển khai thêm các dự án mới, nhằm nâng cao năng lực thực thi các FTA của Việt Nam.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

a. Xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu

Về phía các Bộ, ngành đã gửi báo cáo, không có thông tin về các chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Về phía các tỉnh, thành đã gửi báo cáo, đã có 260 chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp được triển khai. Đáng chú ý là các chương trình như Chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm và tổ chức các diễn đàn kết nối doanh nghiệp trong khối FTA của Đà Nẵng; hội nghị kết nối 50-70 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chủ lực với các trường đại học cũng như chương trình chuỗi kết nối mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững của Hà Nội; đề án “thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia hệ thống mạng lưới phân phối nước ngoài đến năm 2030” của Lào Cai; chương trình phát triển thương hiệu mới gắn với bảo hộ thương hiệu của Lâm Đồng; tổ chức các hội chợ kết nối liên vùng, liên khu vực của Hưng Yên, Lai Châu; chương trình truy xuất nguồn gốc của Thành phố Hồ Chí Minh; chương trình kết nối Ngân hàng và Doanh nghiệp của Thanh Hóa...

b. Đẩy mạnh việc dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh

Nhiều địa phương đã chú trọng phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao theo định hướng thực hành và ứng dụng, nhằm đáp ứng nhu cầu kỹ năng của thị trường, nhất là tại các doanh nghiệp FDI và vùng kinh tế trọng điểm, ngoài ra đã ăng cường gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, các địa phương cũng chủ động thúc đẩy việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh thông qua các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp. Nổi bật là chương trình phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng “500 cánh đồng lớn” của Ninh Bình; kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số và đề án phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thanh Hóa; chương trình phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghệ cao của Lào Cai; chương trình phát triển nhân lực vi mạch bán dẫn và triển khai chính sách ưu đãi thuế, đất đai với doanh nghiệp KHCN, khởi nghiệp của Hải

Phòng; triển khai thí điểm Sàn giao dịch công nghệ của Hà Nội; cuộc thi “Giải pháp đổi mới sáng tạo thích ứng biến đổi khí hậu cho cà phê” của Đắk Lắk...

c. Tăng cường sử dụng hệ thống cảnh báo sớm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại (PVTM); chủ động xây dựng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các quy định và cam kết quốc tế; xây dựng và củng cố cơ chế liên ngành, địa phương trong các vụ việc phòng vệ thương mại; hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với các vụ điều tra phòng vệ thương mại

Bên cạnh việc tổ chức các hội thảo và chương trình tập huấn định kỳ về phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương đã xây dựng 04 video truyền thông và 04 bản tin nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam khai thác hiệu quả các công cụ phòng vệ thương mại trong khuôn khổ EVFTA. Các video tập trung giới thiệu Hệ thống Cảnh báo sớm và cảnh báo nguy cơ bị điều tra đối với một số mặt hàng xuất khẩu sang EU như thép, xe cộ và cao su. Các bản tin cung cấp thông tin cập nhật về các biện pháp phòng vệ thương mại của EU, gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ và chống lẩn tránh biện pháp. Nhờ đó, các doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng có thể chủ động theo dõi diễn biến xuất khẩu, kịp thời ứng phó khi xuất hiện nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại hoặc khi phát sinh rủi ro liên quan đến hành vi lẩn tránh biện pháp trong quá trình mở rộng thị trường EU. Đồng thời, hoạt động này còn góp phần tăng cường phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại cho cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước ở nhiều cấp độ.

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

Bộ Nội vụ đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Trong năm 2025, Bộ Nội vụ đã thực hiện công tác sơ kết 5 năm Bộ luật Lao động năm 2019; đề xuất thời điểm và nội dung sửa đổi Bộ luật Lao động. Tại địa phương, các tỉnh, thành phố đều chú trọng công tác nâng cao đời sống cho người lao động, tăng cường công tác hòa giải giữa người lao động và doanh nghiệp, đôn đốc các tổ chức công đoàn trên địa bàn tỉnh chủ động làm việc với các chủ doanh nghiệp giải quyết những nội dung kiến nghị, vướng mắc, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Chính sách an sinh, xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

a. Xây dựng và ban hành đồng bộ các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp

Về bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, trong năm 2025, Bộ Nội vụ đã trình ban hành 01 Luật, 7 Nghị định, 3 Thông tư, tập trung vào hoàn thiện chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, mở rộng đối tượng và

linh hoạt chính sách hỗ trợ việc làm và đảm bảo phù hợp với bối cảnh mới: chuyển đổi số, biến đổi nhân khẩu học và nhu cầu lao động có kỹ năng, các lĩnh vực bảo hiểm xã hội, .v.v. Cụ thể, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu và khẩn trương hoàn thiện các dự án luật liên quan tới lĩnh vực xã hội bao gồm:

- Hệ thống pháp luật về bảo hiểm xã hội tiếp tục được hoàn thiện với hàng loạt nghị định mới được ban hành, gồm: (i) Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện; (ii) Nghị định số 164/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; (iii) Nghị định số 274/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 quy định về xử lý chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội; (iv) Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; (v) Thông tư số 01/2025/TT-BLĐTBXH ngày 10/01/2025 quy định mức điều chỉnh tiền lương, thu nhập đã đóng bảo hiểm xã hội; (vi) Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 về quản lý người lao động nước ngoài.

- Nghị định số 318/2025/NĐ-CP ngày 12/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Thông tư số 03/2025/TT-LĐTBXH ngày 11/02/2025 quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động;

- Thông tư 04/2025/TT-LĐTBXH ngày 20/02/2025 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng viên chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực việc làm.

- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Đang nghiên cứu xây dựng các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Việc làm (sửa đổi), bao gồm: Nghị định quy định về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm liên quan đến tín dụng chính sách cho vay giải quyết việc làm và sinh kế cho các nhóm lao động, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về dịch vụ việc làm, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp...

- Tháng 6/2025, Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được thông qua với mục tiêu hoàn thiện chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, mở rộng đối tượng

và linh hoạt chính sách hỗ trợ việc làm và đảm bảo phù hợp với bối cảnh mới: chuyển đổi số, biến đổi nhân khẩu học và nhu cầu lao động có kỹ năng.

Về phía địa phương, các tỉnh, thành đều chú trọng chính sách an sinh, xã hội để hỗ trợ người lao động, đặc biệt trong bối cảnh tình trạng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid. Các chính sách được triển khai tương đối đa dạng từ tăng cường kết nối doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ tài chính, tập huấn, tuyên truyền và đào tạo.

b. Tiếp tục thúc đẩy thực thi đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định đa phương về môi trường, bảo tồn và bảo vệ động thực vật hoang dã. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai 03 biện pháp nhằm tăng cường xử phạt, quy định rõ xử lý mẫu vật bị thu giữ, tăng cường truy xuất nguồn gốc gỗ; 03 biện pháp triển khai bảo tồn nguồn lợi, cấm khai thác hủy diệt, tái tạo nguồn lợi và bảo vệ thú biển; triển khai 03 biện pháp tăng cường xử lý vi phạm hành chính đối với IUU; Ban hành các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan; tăng cường truy xuất nguồn gốc. Riêng về Phát triển bền vững, Việt Nam đã áp dụng nền tảng kỹ thuật số và canh tác thông minh vào thí điểm đối với một số mặt hàng.

Về phía các địa phương, hầu hết các tỉnh, thành đều chú trọng công tác bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về tài nguyên môi trường, chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra môi trường để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm. Bên cạnh đó, một số nơi còn ban hành các văn bản pháp luật để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường.

c. Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai các biện pháp chống lại các hành vi đánh bắt thủy sản bất hợp pháp

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai hoạt động về các vấn đề liên quan đến thuế quan thực thi năm 2025; thực thi cam kết về trợ cấp nghề cá, chống khai thác IUU; Chống thương mại trái phép động thực vật hoang dã; các biện pháp SPS; áp dụng nền tảng số trong Thống kê, dự báo, bản tin điện tử; quản lý thủy sản lâm nghiệp.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Những số liệu nêu trên đã cho thấy những kết quả tích cực trong việc thực thi các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA. Tuy nhiên, quá trình thực thi vẫn bộc lộ một số khó khăn và tồn tại cần lưu ý như sau:

1. Về hiệu quả tận dụng các FTA

Xét về giá trị tuyệt đối, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước CPTPP, EU và Vương quốc Anh ghi nhận tăng trưởng tích cực. Đặc biệt kim ngạch xuất khẩu và thặng dư thương mại của Việt Nam với các đối tác này tiếp tục tăng mạnh. Tuy nhiên, **tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi của cả nước đang có dấu hiệu sụt giảm** (CPTPP giảm 1,15%, EVFTA giảm 0,45% và UKVFTA giảm 4,34%); khá nhiều địa phương báo cáo tỷ trọng hàng hóa sử dụng ưu đãi thuế quan còn khiêm tốn. Ngoài ra, trong số các thị trường Canada, Mexico, EU và Vương quốc Anh, chỉ có thị trường Mexico ghi nhận tỷ trọng xuất khẩu trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng từ 1,36% năm 2024 lên 1,49% năm 2025, các thị trường còn lại như **Canada không tăng** (giữ nguyên ở mức 1,58%), **EU giảm** từ 12,75% năm 2024 xuống 11,83% năm 2025, **Vương quốc Anh giảm** từ 1,85% xuống 1,77%.

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng từ 71,8% năm 2024 lên 73% năm 2025. Điều này cho thấy **khối FDI ngày càng giữ vai trò áp đảo trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam**, đặc biệt đối với các mặt hàng như máy móc, điện tử, hàng công nghệ cao. Trong khi đó, **hàng nông sản của Việt Nam (những mặt hàng đem lại giá trị gia tăng cao cho Việt Nam)** dù kim ngạch xuất khẩu tăng từ 62,5 tỷ USD năm 2024 lên 70,1 tỷ USD năm 2025 nhưng **xét về tỷ trọng xuất khẩu thì giảm tương ứng từ 15,4% xuống 14,7%**.

2. Về hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin về cơ bản tiếp tục được duy trì, dù số lượng và tần suất giảm hơn so với trước. Tuy nhiên, phần lớn các hội thảo và hội nghị được tổ chức **nội dung vẫn còn chung chung, chưa thực sự bám sát vào thực tiễn và nhu cầu của doanh nghiệp**. Các mô hình tổ chức theo chuyên đề, theo nhóm doanh nghiệp với các hình thức đa dạng như trực tuyến hay kết hợp trực tuyến và trực tiếp chưa phổ biến. Ngoài ra, mặc dù Bộ Công Thương đã tổ chức một số khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về FTA dành cho các doanh nghiệp, cán bộ tại các tỉnh, thành nhưng **do kinh phí hạn chế nên số lượng học viên được đào tạo bài bản về FTA còn thấp**. Thêm vào đó, theo báo cáo của nhiều tỉnh, thành, nhiều doanh nghiệp, nhất là **doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa thực sự quan tâm đến việc tận dụng FTA**. Điều này cũng ảnh hưởng đến kết quả của công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin.

3. Về công tác xây dựng pháp luật, thể chế

Việc ban hành các văn bản thực thi cam kết về cơ bản là đúng tiến độ và yêu cầu. Tuy nhiên, vẫn có văn bản quy phạm pháp luật chưa được ban hành theo kế hoạch, khiến các đối tác FTA như EU nhiều lần nêu ra ở các cấp làm việc khác nhau, ví dụ như Nghị định hướng dẫn thực thi Bộ luật Lao động về tổ chức đại diện của người lao động và thương lượng tập thể.

4. Về nhân lực triển khai các hoạt động thực thi và tận dụng FTA

Những vướng mắc về triển khai các hoạt động thực thi và tận dụng FTA về cơ bản không thay đổi so với các năm trước. Số lượng người trực tiếp phụ trách vấn đề FTA tại các Bộ, ngành và địa phương gần như không thay đổi, thậm chí có nơi giảm trong khi khối lượng thực thi các FTA ngày càng lớn và phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, đặc biệt khi đặc biệt khi Việt Nam tăng cường đàm phán các FTA để mở rộng thị trường xuất khẩu và thực hiện chính quyền hai cấp. Ngoài ra, rất ít doanh nghiệp có bộ phận chuyên trách riêng về FTA hoặc có chương trình bài bản tìm hiểu, nghiên cứu và tận dụng FTA.

5. Về các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vẫn được duy trì và thúc đẩy. Tuy nhiên, phần lớn các chương trình hỗ trợ ***vẫn là các chương trình hỗ trợ trong khuôn khổ phát triển chính sách chung, chưa phải là các chương trình dành riêng cho việc thực hiện một FTA nào đó.*** Ngoài ra, việc triển khai các chương trình hỗ trợ giữa các địa phương không đồng đều, có nơi đẩy mạnh có nơi không. Thêm vào đó, theo khảo sát của Đại học Ngoại Thương, có tới 41,8% doanh nghiệp chưa tiếp cận các chương trình hỗ trợ. Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ dù đã có mức độ bao phủ nhất định nhưng hiệu quả lan tỏa chưa thực sự đồng đều.

6. Về công tác thống kê số liệu

Việc thống kê số liệu, đặc biệt về xuất nhập khẩu và đầu tư theo Hiệp định, ngành hàng và tỉnh, thành một cách đồng bộ, chính xác vẫn gặp nhiều thách thức. Trong báo cáo thực thi gửi Bộ Công Thương, nhiều tỉnh, thành không thể cung cấp đầy đủ số liệu về xuất nhập khẩu hoặc đầu tư của mình hoặc nếu có cung cấp thì số liệu tương đối hạn chế. Những hạn chế về mặt thống kê số liệu xuất nhập khẩu và đầu tư cũng ảnh hưởng không nhỏ tới công tác dự báo, đánh giá và thực thi hiệu quả các FTA.

7. Về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Còn khá nhiều tỉnh, thành chưa báo cáo hoặc báo cáo còn sơ sài về các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội. Kể cả những tỉnh đã báo cáo chi tiết về các chương trình an sinh xã hội đã triển khai nhưng chủ yếu là các chương trình được thực hiện theo chính sách chung, không phải dành riêng cho các FTA. Về vấn đề lao động, vẫn còn nhiều tỉnh, thành chưa báo cáo việc phổ biến và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nắm rõ các cam kết về lao động trong các FTA thế hệ mới cũng như thách thức khi thực hiện các cam kết này. Đối với vấn đề môi trường, nhiều cơ quan, tổ chức còn lúng túng và chưa nắm rõ các quy định liên quan trong các FTA.

Trên bình diện doanh nghiệp, theo khảo sát của Đại học Ngoại thương, số lượng doanh nghiệp hiểu đầy đủ và rõ ràng về vấn đề phát triển bền vững còn khiêm

tổn, dao động từ 7-18% tùy theo chủ đề. Đây là điểm cần hết sức chú ý vì phát triển bền vững ngày càng được quan tâm trên thế giới, đặc biệt tại các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như EU, Hoa Kỳ.... Hiện nay, không chỉ các cơ quan quản lý tại các nước này đặt ra các quy định và tiêu chuẩn về lao động và môi trường đối với hàng nhập khẩu mà ngay cả người tiêu dùng cũng nghiêng sự lựa chọn dành cho các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững. Việc còn quá nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa biết, chưa hiểu và chưa nắm rõ các vấn đề này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam sang các thị trường lớn trong thời gian tới khi các quy định về phát triển bền vững ngày càng khắt khe hơn.

8. Nguồn kinh phí thực thi các FTA

Dù lãnh đạo Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính bố trí đủ kinh phí cho các cơ quan thực hiện nhiệm vụ thực thi các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và UKVFTA (chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số 8043/VPCP-QHQT ngày 17/10/2023) nhưng kinh phí để thực thi các FTA này tiếp tục bị cắt giảm. Ngoài ra, các tỉnh, thành tiếp tục kiến nghị cần bố trí kinh phí chủ động, dành riêng cho việc thực hiện FTA để góp phần nâng cao hiệu quả thực thi FTA.

IV. NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nguyên nhân

Thứ nhất, tình hình địa chính trị trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp (căng thẳng ở Trung Đông và xung đột Nga – Ucraina) gây ra nhiều thách thức cho thương mại toàn cầu. Đặc biệt, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ đã tạo ra cú sốc lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam, buộc các doanh nghiệp phải tranh thủ thời gian tạm hoãn thuế đối ứng để tăng cường xuất khẩu sang Hoa Kỳ, điều này ảnh hưởng tới việc thúc đẩy tận dụng các thị trường FTA lớn khác như EU, Canada, Vương quốc Anh. Thêm vào đó, việc các thị trường này tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn nhập khẩu khắt khe, bao gồm các quy định về lao động, môi trường cũng khiến cho nhiều doanh nghiệp e ngại và gặp khó khăn trong việc đáp ứng. Ngoài ra, phần lớn doanh nghiệp chưa hoàn toàn hiểu đầy đủ và nắm rõ các cam kết, quy định trong các FTA thế hệ mới cũng khiến cho việc tận dụng các FTA này chưa đạt kết quả như mong đợi.

Thứ hai, hoạt động tuyên truyền dù được đã được đổi mới nhưng chưa thực sự diễn ra đồng bộ trên toàn quốc. Nhiều hội nghị, hội thảo về FTA vẫn còn chung chung, mang tính hình thức, chưa đi sâu vào các nội dung mà các doanh nghiệp thực sự cần. Thêm vào đó, một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến các FTA. Điều này thể hiện qua việc thờ ơ đối với các hội nghị, hội thảo hoặc kể cả chương trình tập huấn về FTA do các Bộ, ngành và địa phương tổ chức.

Thứ ba, nhiều địa phương đã có chuyển biến tích cực trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt sau Lễ công bố Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả thực thi FTA tại các địa phương (FTA Index) vào tháng 4/2025. Điều này thể hiện rõ qua đánh giá của các doanh nghiệp trong quá trình khảo sát xây dựng Bộ chỉ số đánh giá FTA Index 2025. Tuy nhiên, còn không ít địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc tận dụng và thúc đẩy việc thực thi các FTA, thể hiện qua thông tin báo cáo còn sơ sài, mang tính chiếu lệ. Điều này cũng một phần là do đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, địa phương tham mưu về công tác hội nhập kinh tế quốc tế còn mỏng, phải kiêm nhiệm nhiều việc, đồng thời chưa có điều kiện về thời gian để tham gia các chương trình đào tạo bài bản và cập nhật thường xuyên về các thông tin hay kiến thức cần thiết phục vụ cho công việc của mình.

Thứ tư, về phía các doanh nghiệp, hiện tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ năng lực cạnh tranh còn yếu, giá thành còn cao, chất lượng còn thấp so với tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời chưa thực sự chú trọng nâng cao trình độ quản trị, chất lượng nguồn nhân lực; chưa chú trọng xây dựng, phát triển thương hiệu và xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn; chưa thực sự quan tâm đến các vấn đề như bảo hộ thương hiệu, các chứng nhận được công nhận tại các quốc gia nhập khẩu..., đặc biệt là vấn đề phát triển bền vững, công tác tiếp cận thị trường còn hạn chế; hạ tầng, dịch vụ phục vụ cho công tác tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại còn yếu và thiếu. Ngoài ra, việc tiếp cận các nguồn vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ mục tiêu tận dụng các FTA của Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Thứ năm, việc triển khai tận dụng FTA chưa thực sự đi vào chiều sâu. Kế hoạch và định hướng thúc đẩy xuất khẩu của nhiều tỉnh, thành và doanh nghiệp chưa xác định rõ trọng tâm hướng vào các thị trường FTA thế hệ mới, đặc biệt các thị trường lớn còn nhiều dư địa phát triển như EU, Vương quốc Anh, Canada, Mexico. Điều này lý giải tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường này trong tổng xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian dài hầu như không tăng, thậm chí còn giảm. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng chưa thực sự chú ý đến việc phát triển các mặt hàng phù hợp và dành riêng cho các thị trường này.

Thứ sáu, vấn đề kinh phí để thực thi và tận dụng các FTA còn hạn chế và liên tục bị cắt giảm là vấn đề lớn cần quan tâm. Việc này Bộ Công Thương đã nhiều lần báo cáo và lãnh đạo Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo nhưng cho đến nay khó khăn này chưa được khắc phục, thậm chí trở nên phức tạp hơn. Trong bối cảnh Đảng và Chính phủ chỉ đạo cần đa dạng hóa thị trường, đặc biệt chú trọng tới việc tận dụng hiệu quả các FTA, bao gồm các FTA thế hệ mới, việc thiếu kinh phí để triển khai các hoạt động thực thi các FTA sẽ ảnh hưởng nhất định đến mục tiêu và chiến lược khai thác các FTA của Việt Nam.

2. Các giải pháp đề xuất

Để giải quyết các nguyên nhân nêu trên, tăng cường hiệu quả tận dụng các FTA thế hệ mới, Bộ Công Thương xin kiến nghị một số giải pháp như sau:

2.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến

1. Hạn chế tối đa các Hội nghị, hội thảo chung chung, khái quát về các FTA, dành nguồn lực để tổ chức các buổi trao đổi mang tính chuyên đề theo lĩnh vực doanh nghiệp quan tâm, cụ thể, bám sát thực tiễn, đặc biệt chú trọng các nội dung như tiếp cận thị trường, quy tắc xuất xứ, quy định nhập khẩu, xúc tiến thương mại, phát triển bền vững.... Ngoài ra, nên tổ chức theo hình thức linh hoạt (trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp) và theo nhóm doanh nghiệp để có thể tổ chức thường xuyên hơn, cụ thể và chi tiết hơn.

2. Tiếp tục tăng cường phối hợp giữa Bộ Công Thương là đơn vị chủ trì với các Bộ, ngành và địa phương cũng như các Hiệp hội trong hoạt động tuyên truyền. Các Bộ, ngành, địa phương và Hiệp hội cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong việc xây dựng kế hoạch và chương trình tuyên truyền về các FTA để bảo đảm nội dung trọng tâm, bám sát vào định hướng tận dụng các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới, phù hợp với nhu cầu và mong muốn của doanh nghiệp.

3. Xây dựng và vinh danh các doanh nghiệp, mô hình kinh doanh tận dụng hiệu quả FTA, đồng thời lan tỏa các mô hình thành công cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

2.2. Nhóm giải pháp về thể chế

1. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và ban hành các văn bản thực thi các cam kết trong FTA, đặc biệt là các văn bản có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như thuế, quy tắc xuất xứ... Ngoài ra, định kỳ rà soát việc thực thi, nhanh chóng xử lý vướng mắc, bất cập trong việc thực thi các văn bản này.

2. Tiếp tục triển khai rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm phù hợp với các cam kết trong các FTA đã có hiệu lực.

3. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phê chuẩn các Công ước quốc tế và thực thi các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan đảm bảo thực thi cam kết trong các Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

2.3. Nhóm giải pháp về các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp

1. Nhanh chóng đưa vào hoạt động Hệ sinh thái tận dụng FTA sau khi có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA, đặc biệt các FTA thế hệ mới, góp phần thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung của Chính phủ.

2. Nghiên cứu và xem xét xây dựng các chương trình hỗ trợ dành riêng cho các FTA thế hệ mới, phù hợp với mục tiêu, định hướng tận dụng các FTA của doanh nghiệp.

2.4. Nhóm giải pháp về nhân lực

1. Bổ sung nhân lực chuyên trách về thực thi các FTA tại các địa phương. Vấn đề này đã được Bộ Công Thương báo cáo và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo. Điều này là hết sức cần thiết để nâng cao hiệu quả thực thi các FTA tại các tỉnh, thành.

2. Tiếp tục mở rộng các khóa đào tạo nhân lực chuyên về FTA cho các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp cũng như tăng cường bổ sung và đào tạo nguồn cán bộ chuyên gia hiểu biết về FTA, giúp mở rộng số lượng người có thể đào tạo về nội dung này. Ngoài ra, các tỉnh, thành cần khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ phụ trách FTA có điều kiện tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo về FTA do Bộ Công Thương tổ chức.

3. Khẩn trương triển khai đào tạo nguồn nhân lực lâu dài về FTA từ cấp Đại học, cao đẳng bằng cách đưa các nội dung FTA vào giáo trình đào tạo. Việc này Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo văn bản số 8043/VPCP-QHQT ngày 17/10/2023.

2.5. Nhóm giải pháp về số liệu thống kê

Cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về xuất nhập khẩu, đầu tư thống nhất từ trung ương tới địa phương, ứng dụng khoa học công nghệ trong việc thu thập số liệu và xử lý dữ liệu để bảo đảm kịp thời, chính xác và nhanh chóng. Ngoài ra, cần xem xét có cơ chế tiếp cận cơ sở dữ liệu cho các tỉnh, thành để thuận lợi cho tổng hợp, báo cáo và tham mưu.

2.6. Nhóm giải pháp khác

1. Nghiên cứu bổ sung vào các kế hoạch, chiến lược về xuất khẩu của các cơ quan quản lý trung ương và địa phương các chỉ tiêu về tận dụng FTA như tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường FTA thế hệ mới trong tổng xuất khẩu, tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam trong tổng xuất khẩu, tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp trong tổng xuất khẩu và tiến đến việc xây dựng các chỉ tiêu về về hàm lượng giá trị gia tăng tại Việt Nam trong tổng xuất khẩu...

2. Tiếp tục triển khai việc công bố Bộ chỉ số đánh giá thực thi FTA tại các địa phương (FTA Index) định kỳ hàng năm để thúc đẩy sự quan tâm và vào cuộc mạnh mẽ của các địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA.

3. Cần cấp đủ kinh phí thực thi FTA cho các Bộ, ngành và địa phương, đồng thời cần có hướng dẫn cụ thể cho việc tiếp cận và sử dụng nguồn kinh phí này.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở báo cáo như trên và tổng hợp báo cáo thực thi và ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương (*đính kèm công văn này*), Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Giao Bộ Tài chính bố trí bổ sung đủ kinh phí cho các cơ quan thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA theo tinh thần chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 4721/VPCP-QHQT ngày 14 tháng 7 năm 2021 và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số 8043/VPCP-QHQT ngày 17/10/2023.

2. Giao Bộ Công Thương xem xét việc cập nhật chiến lược xuất nhập khẩu theo hướng xác định rõ mục tiêu cụ thể đối với các thị trường FTA thế hệ mới, nghiên cứu bổ sung các tiêu chí về tỷ trọng của các thị trường FTA thế hệ mới như EU, Vương quốc Anh, Canada, Mexico trong tổng xuất khẩu; tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam trong tổng xuất khẩu; tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp trong tổng xuất khẩu; và tiến đến việc xây dựng các chỉ tiêu về về hàm lượng giá trị gia tăng tại Việt Nam trong tổng xuất khẩu. Giao Bộ Công Thương phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành trong việc xây dựng, cập nhật kế hoạch và định hướng xuất khẩu của các tỉnh, thành.

3. Giao Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thống nhất phương pháp thống kê số liệu về đầu tư, xuất nhập khẩu liên quan đến thực thi các FTA cũng như cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin về các số liệu này cho các địa phương theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số 8043/VPCP-QHQT ngày 17/10/2023.

4. Giao Bộ Công Thương sớm đưa vào vận hành Hệ sinh thái tận dụng FTA sau khi có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

5. Giao các Bộ, ngành, địa phương bám sát và nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP, Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 6 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA cũng như các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP và EVFTA cụ thể của từng Bộ, ngành, địa phương, bám sát và nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 1153/VPCP-QHQT ngày 15 tháng 02 năm 2020, của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 4721/VPCP-QHQT ngày 14 tháng 7 năm 2021; của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số số 8043/VPCP-QHQT ngày 17/10/2023. Trong đó, chú trọng các biện pháp cải cách thủ tục hành

chính, tăng cường các biện pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng và doanh nghiệp, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách để tạo điều kiện cho việc phát triển nguồn nguyên liệu trong nước giúp doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ của Hiệp định.

Trên đây là báo cáo của Bộ Công Thương về tình hình triển khai Hiệp định CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong năm 2025 của các Bộ, ngành, địa phương. Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- **Q**. Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ban CS&CLTW, UBĐNQH;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Vụ/Cục: PC, TTNN, XNK, PVTM, CT, XTTM, VPB, VPBCĐLNKT;
- Lưu: VT, ĐB (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC 1

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VỚI CÁC NƯỚC CPTPP NĂM 2025

Đơn vị: triệu USD

Thị trường	Kim ngạch XK năm 2025	Kim ngạch XK năm 2024	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch NK năm 2025	Kim ngạch NK năm 2024	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch XNK năm 2025	Kim ngạch XNK năm 2024	Tăng trưởng (%)
Ôt-xtrây-lia	6,811,120,429	6,447,903,453	5.17	7,189,988,162	7,595,419,267	-5.30	14,001,108,591	14,043,322,720	-0.3
Bru-nây	187,530,538	142,557,737	29.77	526,150,549	526,895,618	-0.14	713,681,087	669,453,355	6.6
Ca-na-đa	7,529,672,990	6,371,327,035	18.13	1,068,814,831	863,868,554	24.82	8,598,487,821	7,235,195,589	18.8
Chi-lê	1,425,633,331	1,378,627,688	3.41	353,793,276	326,544,852	8.35	1,779,426,607	1,705,172,540	4.3
Ma-lai-xi-a	5,327,624,316	5,065,975,304	5.38	11,004,092,336	9,069,889,486	20.49	16,331,716,652	14,135,864,790	15.5
Mê-hi-cô	7,031,804,276	5,465,337,221	28.67	1,142,421,569	949,149,207	20.36	8,174,225,845	6,414,486,428	27.4
Niu Di-lân	710,585,792	686,892,699	3.47	784,409,133	604,423,984	29.87	1,494,994,925	1,291,316,683	15.7
Nhật Bản	26,766,021,827	24,608,370,912	8.77	24,677,413,863	21,622,233,459	14.31	51,443,435,690	46,230,604,371	11.2
Pê-ru	513,441,502	443,505,273	15.75	81,253,417	73,972,502	9.83	594,694,919	517,477,775	14.9
Xinh-ga-po	5,857,721,051	5,190,676,226	13.59	6,061,632,256	5,353,601,364	12.78	11,919,353,307	10,544,277,590	13.0
Vương quốc Anh	8,392,453,385	7,544,292,114	11.26	991,360,016	883,513,992	12.52	9,383,813,401	8,427,806,106	11.3
Tổng	70,553,609,437	63,345,465,662	11.40	53,881,329,408	47,869,512,285	12.47	124,434,938,845	111,214,977,947	11.9

Nguồn: Cục Hải quan

PHỤ LỤC 2

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VỚI CÁC NƯỚC EU NĂM 2025

Đơn vị: Triệu USD

Thị trường	Kim ngạch XK năm 2025	Kim ngạch XK năm 2024	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch NK năm 2025	Kim ngạch NK năm 2024	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch XNK năm 2025	Kim ngạch XNK năm 2024	Tăng trưởng (%)
Ireland	768,271,850	1,009,428,300	-23.87	3,291,246,993	3,662,770,677	-10.14	4,059,518,843	4,672,198,977	-13.1
Áo	2,554,976,146	1,997,760,104	27.89	485,011,177	455,506,431	6.49	3,039,987,323	2,453,266,535	23.9
Ba Lan	3,472,804,678	3,048,969,846	13.90	472,792,094	387,737,747	21.97	3,945,596,772	3,436,707,593	14.8
Bỉ	3,587,037,906	3,782,945,925	-5.15	777,971,872	671,876,891	15.81	4,365,009,778	4,454,822,816	-2.0
Bồ Đào Nha	540,882,003	539,899,187	0.17	154,796,562	169,259,117	-6.24	695,678,565	709,158,304	-1.9
Bulgaria	147,904,340	187,002,214	-20.91	77,507,335	76,010,727	1.97	225,411,675	263,012,941	-14.3
Croatia	76,725,295	90,248,883	-14.98	84,658,157	44,397,826	90.68	161,383,452	134,646,709	19.9
Đan Mạch	426,533,637	444,446,340	-4.01	294,433,435	231,905,503	26.92	720,967,072	676,351,843	6.6
Đức	9,533,084,716	7,950,702,852	20.14	4,132,790,224	3,771,009,009	9.68	13,665,874,940	11,721,711,861	16.6
Estonia	57,903,859	50,944,018	13.69	19,160,664	22,896,408	-16.28	77,064,523	73,840,426	4.4
Hà Lan	13,478,374,248	12,991,294,035	3.73	825,183,781	784,137,397	5.24	14,303,558,029	13,775,431,432	3.8
Hungary	808,655,110	705,240,859	14.54	241,036,646	226,005,322	6.64	1,049,691,756	931,246,181	12.7
Hy Lạp	465,537,233	391,986,370	18.75	121,781,495	112,505,294	8.85	587,318,728	504,491,664	16.4
Italy	5,298,458,043	4,942,716,120	7.20	2,044,877,111	1,974,413,501	3.60	7,343,335,154	6,917,129,621	6.2
Latvia	290,109,268	247,197,513	17.38	25,981,677	22,904,591	13.44	316,090,945	270,102,104	17.0
Lithuania	314,339,436	176,841,851	77.74	38,423,387	30,134,114	27.53	352,762,823	206,975,965	70.4
Luxembourg	109,582,654	161,151,439	-32.00	70,430,050	87,951,936	-19.92	180,012,704	249,103,375	-27.7
Malta	17,047,462	22,877,846	-25.49	24,263,076	27,773,061	-12.63	41,310,538	50,650,907	-18.4
Phân Lan	160,833,956	214,565,609	-21.39	214,307,276	217,953,443	-1.67	375,141,232	432,519,052	-13.3
Pháp	4,035,493,258	3,403,156,012	18.55	2,272,178,707	2,016,420,069	12.75	6,307,671,965	5,419,576,081	16.4

Romania	404,004,840	378,363,797	6.78	152,968,522	155,546,807	-1.56	556,973,362	533,910,604	4.3
Séc	2,044,397,124	1,817,703,578	12.50	263,546,132	229,688,006	14.88	2,307,943,256	2,047,391,584	12.7
Síp	59,169,106	66,174,317	-10.58	31,856,459	45,472,916	-29.94	91,025,565	111,647,233	-18.5
Slovakia	1,711,534,100	1,674,557,900	2.18	70,809,566	59,380,543	19.25	1,782,343,666	1,733,938,443	2.8
Slovenia	377,926,842	401,770,805	-5.94	107,788,787	108,027,018	-0.22	485,715,629	509,797,823	-4.7
Tây Ban Nha	4,123,977,040	4,002,683,248	3.02	824,760,724	717,893,942	15.14	4,948,737,764	4,720,577,190	4.8
Thụy Điển	1,310,599,422	1,045,433,214	25.39	516,920,817	425,770,298	20.90	1,827,520,239	1,471,203,512	24.2
Tổng	56,176,163,572	51,746,062,182	8.561233847	17,637,482,726	16,735,348,594	5.390590623	73,813,646,298	68,481,410,776	7.8

Nguồn: Cục Hải quan

PHỤ LỤC 3

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VỚI VƯƠNG QUỐC ANH (UK) NĂM 2025

Đơn vị: Triệu USD

Thị trường	Kim ngạch XK năm 2025	Kim ngạch XK năm 2024	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch NK năm 2025	Kim ngạch NK năm 2024	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch XNK năm 2025	Kim ngạch XNK năm 2024	Tăng trưởng (%)
Vương quốc Anh	8.392,45	7.544,29	11,26	991,36	883,51	12,52	9.383,81	8.427,8	11,3
Tổng	8.392,45	7.544,29	11,26	991,36	883,51	12,52	9.383,81	8.427,8	11,3

PHỤ LỤC 4

TỶ LỆ CẤP C/O UUU ĐÁI 12 THÁNG NĂM 2025

Đơn vị kim ngạch: Triệu USD

STT	LOẠI C/O	Kim ngạch xuất khẩu		Tỷ lệ cấp C/O
		Theo C/O	XK chung	
1	Mẫu AANZ	6,716.1	7,521.7	89.29%
2	Mẫu AHK	32.5	17,557.2	0.19%
3	Mẫu AI	5,859.3	10,351.0	56.61%
4	Mẫu AJ	5,850.7	26,766.0	21.86%
5	Mẫu AK	5,461.5	28,943.3	18.87%
6	Mẫu CPTPP	5,422.5	70,553.6	7.69%
7	Mẫu D	12,016.4	38,398.4	31.29%
8	Mẫu E		70,453.7	-
9	Mẫu EAV		3,311.3	-
10	Mẫu S	66.5	1,081.0	6.15%
11	Mẫu VC	377.7	1,425.6	26.49%
12	Mẫu VJ	1,517.6	26,766.0	5.67%
13	Mẫu VK	6,075.2	28,943.3	20.99%
14	Mẫu X	-	5,667.0	-
15	Mẫu VN-CU	49.7	-	-
16	Mẫu EUR.1	19,174.5	55,414.4	34.60%
17	Mẫu EUR.1 UK	2,675.1	8,392.5	31.87%
18	Mẫu RCEP	2,712.4	172,083.1	1.58%
19	Mẫu VI	19.3	865.1	2.23%